

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 45/2022/HS-ST
Ngày: 09 - 8 -2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương

Bà Hà Thị Nở

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Lưu Xuân Trường - Kiểm sát viên trung cấp, ông Nguyễn Hữu Toàn - Kiểm sát viên sơ cấp giúp việc.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2022/TLST - HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn P (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1993 tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; Vợ: Vũ Thị D, sinh năm 1996 (là bị cáo trong cùng vụ án); Con: Có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/7/2021 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Vũ Thị D (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1996 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ A L, sinh năm 1965 và bà Mùa Thị D, sinh năm 1967; Chồng: Phạm Văn P, sinh năm 1993 (là bị cáo trong cùng vụ án); Con: Có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/7/2021 cho đến nay (Có mặt).

3. Đinh Quang Q (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1992 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện U, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Tuấn A, sinh năm 1955 và bà Quán Thị D, sinh năm 1960; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2021, tạm giam từ ngày 24/6/2021 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

4. Nguyễn Thị Thùy L (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1989 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Tạm trú: Bản T, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1959; Chồng: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987; Con: Có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021, tạm giam từ ngày 16/6/2021 đến ngày 31/8/2021 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh cho đến nay (Có mặt).

5. Lò Văn L1 (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1986 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn B (đã chết) và bà Lò Thị L (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 20/11/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 07/10/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt, hiện chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021, tạm giam từ ngày 16/6/2021 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

6. Phạm Thanh T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1976 tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Xóm 15, xã GT, huyện Gi, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Quang T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Vợ: Đỗ Thị Q, sinh năm 1976; Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/10/2021, đến ngày 11/12/2021 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh cho đến nay (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy L:* Bà Trần Thị Bích N - Luật sư văn phòng Luật sư H chi nhánh Lai Châu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Lữ Thị U, sinh năm 1999 (Vắng mặt).
2. Ông Lường Văn I, sinh năm 1981 (Vắng mặt).
3. Ông Lò Văn P, sinh năm 1982 (Vắng mặt) .
4. Ông Lường Văn H, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
5. Bà Quàng Thị D, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
6. Bà Vì Thị P, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
7. Ông Lò Văn C, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

8. Bà Lò Thị V, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
 9. Bà Lò Thị P, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
 10. Bà Lò Thị X, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
 11. Bà Lò Thị P, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
 12. Bà Vi Thị T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
 13. Ông Vi Văn H, sinh năm 1977 (Vắng mặt).
 14. Bà Lương Thị P, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
 15. Bà Lò Thị S, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
 16. Bà Lò Thị Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
- Đều cư trú: Bản C1, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.
17. Bà Vàng Thị T, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
 18. Bà Lò Thị N, sinh năm 1984 (Có mặt).
 19. Bà Lò Thị É, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
 20. Chị Lò Thị T, sinh năm 2000 (Vắng mặt).
 21. Chị Lò Thị H, sinh năm 2002 (Vắng mặt).
 22. Bà Lò Thị C, sinh năm 1996 (Vắng mặt).
 23. Bà Lò Thị C, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
 24. Bà Lò Thị P, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
 25. Bà Lương Thị É, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
 26. Bà Lò Thị N, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
 27. Bà Lò Thị H, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
 28. Bà Lò Thị K, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
 29. Bà Lương Thị L, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
 30. Bà Lò Thị M, sinh năm 1980 (Vắng mặt).
 31. Bà Lương Thị X, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
 32. Bà Lò Thị P, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
 33. Bà Lò Thị X, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
 34. Bà Lò Thị X, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
 35. Bà Lò Thị B, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
 36. Bà Quàng Thị X, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
 37. Bà Lò Thị T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
 38. Bà Lò Thị Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
 39. Chị Lò Thị V, sinh năm 2001 (Vắng mặt).
 40. Bà Lò Thị P, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
 41. Ông Lò Văn P, sinh năm 1982 (Vắng mặt).
- Đều cư trú: Bản C2, xã N, huyện Si, tỉnh Lai Châu
42. Ông Quàng Văn H, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.
43. Bà Lò Thị X, sinh năm 1981 (Vắng mặt).
 44. Bà Lò Thị É, sinh năm 1980 (Vắng mặt).
 45. Bà Quàng Thị P, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

46. Bà Lò Thị C, sinh năm 1983 (Có mặt).
47. Chị Lò Thị T, sinh năm 2002 (Vắng mặt).
48. Bà Lò Thị X, sinh năm 1975 (Vắng mặt).
49. Bà Lò Thị H, sinh năm 1995 (Vắng mặt).
- Đều cư trú: Bản T, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.
50. Bà Lò Thị C, sinh năm 1996 (Vắng mặt).
51. Bà Lò Thị C (tên gọi khác: Lò Thị X), sinh năm 1997 (Vắng mặt).
52. Bà Vàng Thị Á, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
53. Bà Lò Thị U, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
54. Ông Lữ Văn P, sinh năm 1963 (Vắng mặt).
55. Bà Lò Thị H, sinh năm 1994 (Vắng mặt).
- Đều cư trú: Bản CN, xã N, huyện Si, tỉnh Lai Châu.
56. Bà Lữ Thị I, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Bản H, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu
57. Bà Lò Thị X, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.
58. Chị Cà Thị N, sinh năm 2001 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.
59. Chị Quàng Thị X, sinh năm 2000 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Bản H, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.
60. Ông Lò Văn N, sinh năm 1964 (Vắng mặt).
- Đều cư trú: Xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.
61. Bà Vi Thị T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Bản H, xã Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.
62. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lào Cai.
63. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện C, Hà Tĩnh.
64. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.
65. Ông Hà Văn D, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Xóm X, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An
66. Ông Phùng Mạnh H, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Số 179, tổ A, thị trấn T, huyện G, Hà Nội.
67. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Thôn 3, xã V, Thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.
68. Ông Nông Văn T, sinh năm 1996 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Khu K, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.
69. Ông Phạm Đức C, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định
70. Bà Triệu Thị P, sinh năm 1996 (Vắng mặt).
- Nơi cư trú: Xóm H, xã M, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

71. Bà Dương Ngọc A, sinh năm 1998 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
72. Ông Hoàng Việt A, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Xóm P, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
73. Ông Ma Văn N, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn T, xã TA, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.
74. Ông Hà Văn N, sinh năm 1989 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Khu 1, xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
75. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ Q, phường K, thị xã KA, Hà Tĩnh.
76. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ 5, ấp X, xã T, huyện H, Bình Phước.
77. Hoàng Trường S, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện T, Hà Nội.
78. Bà Cao Thị Mộng Q, sinh năm 1998 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Số 38 đường X, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
79. Ông Trần Văn L, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
80. Ông Trần Quang T, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.
81. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: 139/3 T 2, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
82. Bà Thị Sô P, sinh năm 1984 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, Kiên Giang.
83. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1995 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn E1, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.
84. Bà Thái Thị Kim D, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn X, xã K, huyện KA, tỉnh Hà Tĩnh.
85. Ông Vũ Thế V, sinh năm 1996 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện VL, Thanh Hóa.
86. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện Đ, TP Hà Nội.
87. Bà Ngô Thúy H, sinh năm 1998 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn P 1, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tháng 12/2020, Phạm Văn P từ tỉnh Nam Định vào thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng 04.11 chung cư H thuộc

phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh để ở. Tại đây, P tìm mua các loại máy móc, tài liệu như: Máy vi tính, ổ cứng có các phần mềm thiết kế, máy in màu, máy dập dấu, máy ép nhiệt, mẫu in các loại văn bằng chứng chỉ, mực in...nhằm mục đích làm giả tài liệu, giấy tờ bán cho người có nhu cầu. P sử dụng điện thoại di động thiết lập các tài khoản Zalo có tên: “A K”, “A K1”, “T K”... để phục vụ cho việc làm và tiêu thụ các loại tài liệu, giấy tờ giả. Với cách thức khi có người đặt mua tài liệu, giấy tờ giả, P lên mạng xã hội tìm các mẫu phôi tài liệu, mẫu con dấu, chữ ký tải về máy tính hoặc do người mua gửi mẫu rồi sử dụng các phần mềm thiết kế chuyên dụng để chỉnh sửa thông tin theo yêu cầu của người đặt mua, sau đó in ra gửi cho người đã đặt mua. Phạm Văn P được sự giúp sức của vợ là Vũ Thị D bằng việc lập các tài khoản Zalo có tên “E D”, “E D1” để đăng thông tin lên mạng xã hội với nội dung nhận làm các loại giấy tờ, nếu người có nhu cầu liên lạc thì D trực tiếp nói chuyện, thỏa thuận giá cả sau đó chuyển cho P qua tin nhắn Zalo để tổng hợp làm giả. Ngoài ra, D còn tiếp nhận các tài liệu, giấy tờ sau khi được P làm giả gửi qua những người lái xe ôm để Đinh Quang Q nhận và giao cho người mua. Bị cáo Đinh Quang Q là nhân viên làm việc tại V thành phố Hồ Chí Minh biết được hàng P gửi đi là giấy tờ, tài liệu làm giả nhưng vì vụ lợi nên Q vẫn đồng ý giao hàng cho P với thỏa thuận mỗi đơn hàng Q sẽ nhận được từ 70.000 đồng đến 200.000 đồng tùy thuộc khu vực giao hàng tại thành phố Hồ Chí Minh hay các tỉnh xa. Đến tháng 02/2021, Q còn sử dụng các tài khoản Zalo có tên “Đinh Quang Q”, “Mr N” để đăng tải thông tin lên mạng xã hội với nội dung nhận làm các loại văn bằng, chứng chỉ giả rẻ, sau khi người có nhu cầu liên lạc Q tổng hợp và chuyển cho P nhằm hưởng chênh lệch.

Bằng cách thức làm giả và tiêu thụ như trên, kết quả điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 12/2020 đến khi bị bắt, Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q đã làm giả nhiều tài liệu, giấy tờ của nhiều cơ quan, tổ chức trên cả nước, trong đó có 61 giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên Sở giao thông vận tải tỉnh L cấp do các bị cáo Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L nhận của người dân trên địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu rồi chuyển cho nhóm của Phạm Văn P làm giả nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, trách nhiệm cụ thể của các bị cáo như sau:

1. Đối với các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q:

Từ tháng 12/2020 đến khi bị bắt, bằng việc sử dụng các tài khoản Zalo như trên để tìm người làm giả tài liệu, giấy tờ và trao đổi thông tin thông qua các nhóm Zalo: “K”, nhóm Zalo “C”, nhóm Zalo “G”, nhóm Zalo “a”, các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q đã nhiều lần làm giả các loại tài liệu, giấy tờ như: Giấy phép lái xe các loại, bằng tốt nghiệp Đại học, bằng tốt nghiệp Cao đẳng, bằng tốt nghiệp Trung cấp, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học...cho nhiều người dân ở các tỉnh, thành phố trên cả nước, thu lợi bất chính tổng số 96.992.000 đồng, cụ thể:

Làm giả cho: Hoàng Trường S 01 công văn xác nhận của trường Đại học công nghiệp Hà Nội với giá 1.300.000 đồng; Hồ Thị H 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông với giá 2.500.000 đồng; Đặng Thái N 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông với giá 2.500.000 đồng; Nguyễn Thị N 01 bằng tốt nghiệp Đại học công

ng nghiệp Hà Nội với giá 3.000.000 đồng; Hà Văn D 01 bằng tốt nghiệp Đại học xây dựng với giá 5.000.000 đồng; Phùng Mạnh H 01 bằng tốt nghiệp Đại học kinh tế quốc dân với giá 2.500.000 đồng; Cao Thị Mộng Q 01 bằng tốt nghiệp Đại học mở thành phố Hồ Chí Minh với giá 3.000.000 đồng; Trần Văn L 01 bằng tốt nghiệp Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh với giá 3.000.000 đồng; Phạm Thị L 01 chứng chỉ ngoại ngữ và 01 chứng chỉ tin học với giá 2.400.000 đồng; Phạm Đức C 01 bằng tốt nghiệp Đại học khoa học Thái Nguyên với giá 5.000.000 đồng; Trần Quang T 01 giấy phép lái xe hạng B2 với giá 3.492.000 đồng; Nguyễn Văn T 01 giấy phép lái xe hạng E nhưng sau đó T trả lại và không thanh toán tiền; Triệu Thị P 01 bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Thái Nguyên với giá 3.000.000 đồng; Nông Văn T 01 bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở với giá 2.000.000 đồng; Dương Ngọc A 01 bằng tốt nghiệp Cao đẳng công nghiệp Hà Nội với giá 2.000.000 đồng; Thị Sô P 01 chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B với giá 1.500.000 đồng; Hoàng Việt A 01 bằng tốt nghiệp Đại học công nghiệp Hà Nội với giá 3.500.000 đồng; Ma Văn N 01 giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.500.000 đồng; Hoàng Văn Đ 01 giấy phép lái xe hạng A1 nhưng sau đó Đ không nhận hàng; Hà Văn N 01 giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.500.000 đồng; Nguyễn Minh T 01 bằng tốt nghiệp Trung cấp mầm non với giá 2.200.000 đồng, 01 bằng Cao đẳng mầm non với giá 2.000.000 đồng; Huỳnh Thị T 01 giấy phép lái xe hạng B2 với giá 2.200.000 đồng; Vũ Thế V 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông với giá 1.700.000 đồng; Nguyễn Đức D 01 giấy phép lái xe hạng C với giá 900.000 đồng; Ngô Thúy H 01 bằng tốt nghiệp Học viện ngân hàng nhưng sau đó không giống nên H không nhận và không thanh toán tiền. Các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q thu lời bất chính tổng số tiền là 57.692.000 đồng.

Tại địa bàn tỉnh Lai Châu, thông qua các bị cáo: Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L từ đầu tháng 5/2021 đến khi bị bắt, nhóm các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q đã tiếp nhận thông tin làm giả 61 giấy phép lái xe hạng A1 (Có 02 giấy phép lái xe bị sai thông tin nên làm lại) cho 59 người dân trên địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu, trong đó:

Lần thứ nhất: Các bị cáo làm giả 06 giấy phép lái xe kèm theo hồ sơ với giá 800.000 đồng/01 giấy phép lái xe, các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q thu lời bất chính tổng số tiền 4.800.000 đồng.

Lần thứ hai: Các bị cáo làm giả 20 giấy phép lái xe kèm theo hồ sơ với giá 750.000 đồng/01 giấy phép lái xe, các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q thu lời bất chính tổng số tiền 15.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Các bị cáo làm giả 26 giấy phép lái xe kèm theo hồ sơ, các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q thu lời bất chính tổng số 19.500.000 đồng.

Lần thứ 4: Các bị cáo làm giả 11 giấy phép lái xe kèm theo hồ sơ (trong đó có 02 giấy phép lái xe làm lại do lần làm trước bị sai thông tin) nhằm mục đích thu lời bất chính số tiền 5.800.000 đồng nhưng chưa kịp nhận tiền thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo thu lời bất chính là 96.992.000 đồng, trong đó bị cáo P và D thu lời bất chính là 81.092.000 đồng (bị cáo P là người nhận và sử dụng toàn bộ số tiền trên), Q thu lời bất chính là 15.900.000 đồng.

Bị cáo Đinh Quang Q ngoài đồng phạm với các bị cáo Phạm Văn P, Vừ Thị D trong các lần làm giả giấy tờ, tài liệu nêu trên, vào khoảng tháng 5/2021 thông qua tài khoản Zalo “Mr N”, Q còn nhận thông tin, hình ảnh của 03 căn cước công dân có tên Tráng A C, Trương Minh T và Lê Anh P do bị cáo Phạm Thanh T gửi từ tài khoản Zalo “Phạm T” đặt làm giả bằng cách chỉnh sửa thông tin về thời hạn sử dụng với giá 1.200.000 đồng/01 căn cước công dân. Sau đó, Q liên lạc với tài khoản Zalo tên “Mr Q” đặt làm giả 03 căn cước công dân theo yêu cầu của T với giá 800.000 đồng/01 căn cước công dân. Sau khi nhận được căn cước công dân do tài khoản Zalo “Mr Q” gửi, Q gửi cho T qua dịch vụ giao hàng thu tiền, Q thu lời bất chính 3.600.000 đồng (không xác định được nhân thân, lý lịch của “Mr Q”).

2. Đối với các bị cáo Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L:

Từ đầu tháng 5/2021 đến khi bị bắt, bị cáo Lò Văn L1 đã tiếp nhận thông tin, làm giả 61 giấy phép lái xe hạng A1 cho 59 người dân trên địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu (Có 02 giấy phép lái xe bị sai thông tin nên làm lại) rồi chuyển qua tin nhắn cho Nguyễn Thị Thùy L để L 04 lần chuyển thông tin đến các tài khoản Zalo có tên: “Anh H”, “Mr N”, “A K” cho nhóm Phạm Văn P, Vừ Thị D, Đinh Quang Q để đặt làm giả, trong đó:

Lần thứ nhất: Các bị cáo L, L1 tiếp nhận thông tin của 06 người dân trên địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu gồm: Lữ Thị U, Vàng Thị T, Lữ Thị N, Lò Thị Đ, Lữ Thị E, Quàng Văn H. Sau đó, các bị cáo chuyển thông tin những người cần làm giấy phép lái xe vào tài khoản Zalo có tên “A” của nhóm Phạm Văn P làm giả 06 giấy phép lái xe kèm hồ sơ với giá 800.000 đồng/01 giấy phép lái xe (thực tế L báo lại với L1 là 1.200.000 đồng/01 giấy phép lái xe, L thu lợi riêng 400.000 đồng/01 giấy phép lái xe), L và L1 thống nhất thu 1.400.000 đồng/01 giấy phép lái xe để chia nhau mỗi người được 100.000 đồng/01 giấy phép lái xe. Sau khi nhóm Phạm Văn P làm xong giấy phép lái xe giả thì chuyển cho L nhận kiểm tra và thanh toán cho nhân viên giao hàng số tiền 4.800.000 đồng rồi chuyển cho L1 để phát cho người dân và thu tiền, thực tế L1 thu cao hơn để hưởng lợi riêng cho mình, cụ thể: L1 thu của U 1.700.000 đồng, T 1.400.000 đồng, N 1.800.000 đồng, Đ chưa thu (vì là người nhà của L), E 1.550.000 đồng, H 1.400.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo L, L1 thu lời bất chính là 3.850.000 đồng, trong đó L thu lời bất chính 2.500.000 đồng, L1 thu lời bất chính 1.350.000 đồng.

Lần thứ hai: Các bị cáo L, L1 tiếp nhận thông tin của 20 người dân trên địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu gồm: Lò Thị X, Lữ Thị C, Lữ Thị E, Quàng Thị P, Lữ Thị T, Lò Thị H, Lò Thị V, Lữ Thị I, Lữ Thị C, Lò Thị P, Lường Văn I, Lò Văn P, Lò Thị C, Lường Văn H, Lò Thị C, Quàng Thị D, Vừ Thị P, Lò Thị P, Lò Văn C, Lò Thị Đ. Sau đó các bị cáo chuyển thông tin những người cần làm giấy phép lái xe vào tài khoản Zalo có tên “A” của nhóm Phạm Văn P làm giả 20 giấy phép lái xe

kèm hồ sơ với giá 750.000 đồng/01 giấy phép lái xe (thực tế L báo lại với L1 là 1.100.000 đồng/01 giấy phép lái xe, L thu lợi riêng 350.000 đồng/01 giấy phép lái xe). L, L1 thống nhất thu 1.400.000 đồng/01 giấy phép lái xe để chia nhau mỗi người được 150.000 đồng/01 giấy phép lái xe. Sau khi nhóm Phạm Văn P làm xong giấy phép lái xe giả thì chuyển cho L nhận kiểm tra và thanh toán cho nhân viên giao hàng số tiền 15.000.000 đồng rồi chuyển cho L1 để phát cho người dân và L1 thu tiền, L1 thu cao hơn để hưởng lợi riêng cho mình, cụ thể: L1 thu của X, C, P, T, H, I, C, P mỗi người 1.700.000 đồng/01 giấy phép lái xe; thu của E, V, C, I, H, D, C, Đ mỗi người 1.800.000 đồng/01 giấy phép lái xe; thu của P 1.600.000 đồng/01 giấy phép lái xe, còn lại P chưa nhận giấy phép lái xe và chưa trả tiền, C chưa trả tiền, P vắng mặt tại địa phương. Như vậy, tổng số tiền thu lời bất chính của các bị cáo L, L1 là 16.850.000 đồng, trong đó L thu lời bất chính là 8.500.000 đồng, L1 thu lời bất chính là 8.350.000 đồng.

Lần thứ ba: Các bị cáo L, L1 tiếp nhận thông tin của 26 người dân trên địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu gồm: Lò Thị B, Lò Thị X, Cà Thị N, Quảng Thị X, Lò Thị T, Lương Thị E, Lò Thị N, Lò Thị H, Lò Thị K, Vàng Thị Á, Lò Thị V, Lò Thị P, Lương Thị L, Lò Thị X, Lò Văn P, Lò Thị M, Lương Thị X, Lò Thị P, Lò Thị P, Vì Thị T, Lò Thị C, Lò Thị X, Vì Văn H, Lương Thị P, Lò Thị U, Lò Thị X. Sau đó các bị cáo chuyển thông tin những người cần làm giấy phép lái xe vào tài khoản Zalo “Anh H” của nhóm Phạm Văn P đặt làm giả 26 giấy phép lái xe hạng A1 kèm hồ sơ với giá 750.000 đồng/01 giấy phép lái xe (thực tế L báo lại với L1 950.000 đồng/01 giấy phép lái xe, L thu lợi riêng 200.000 đồng/01 giấy phép lái xe). L, L1 thống nhất thu 1.400.000 đồng/01 giấy phép lái xe để chia nhau mỗi người được 225.000 đồng/01 giấy phép lái xe. Sau khi nhóm Phạm Văn P làm xong giấy phép lái xe giả thì chuyển cho L1 nhận kiểm tra và thanh toán cho nhân viên giao hàng số tiền 19.500.000 đồng. L1 phát cho người dân và thu cao hơn thống nhất với L để hưởng lợi riêng cho mình, cụ thể: L1 thu của B, X, E, N, H, K, P, P, C, X, H, P mỗi người 1.800.000 đồng/01 giấy phép lái xe; thu của N, Á, V, P, X, X, P, T, U mỗi người 1.700.000 đồng/01 giấy phép lái xe; thu của X 1.900.000 đồng/01 giấy phép lái xe; thu của L 2.700.000 đồng/01 giấy phép lái xe; T và X chưa trả tiền; M chưa nhận bằng và chưa trả tiền. Như vậy, tổng số tiền thu lời bất chính của L, L1 là 24.250.000 đồng, trong đó L thu lời bất chính 9.775.000 đồng, L1 thu lời bất chính 14.475.000 đồng.

Lần thứ tư: Các bị cáo L, L1 tiếp nhận, chuyển thông tin của 11 người dân trên địa bàn huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu gồm: Lò Văn N, Lò Văn P, Lò Thị S, Lò Thị T, Lò Thị H, Lò Thị X, Vì Thị T, Lò Thị H, Lò Thị M, Lò Thị N, Quảng Thị X. Sau đó, các bị cáo chuyển thông tin cho những người cần làm giấy phép lái xe vào tài khoản Zalo “Mr N” của Đinh Quang Q và “Anh K” của Phạm Văn P đặt làm giả giấy phép lái xe hạng A1 kèm theo hồ sơ với giá 650.000 đồng/01 giấy phép lái xe, trong đó có thông tin của 02 người gửi để làm lại do sai thông tin ở lần làm trước. Sau khi nhóm Phạm Văn P làm giả xong thì gửi lại cho Lò Văn L1 với

phí thu hộ là 5.800.000 đồng nhưng chưa kịp nhận và thanh toán thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện bắt giữ và thu vật chứng.

3. Đối với bị cáo Phạm Thanh Tuyên:

Nhằm mục đích phát triển thành viên cấp dưới trong hệ thống công ty C để hưởng lợi (hưởng % hoa hồng khi phát triển thành viên mới và hưởng % khi mua các gói dịch vụ tại công ty C) nên khoảng tháng 3/2021, Phạm Thanh T lên mạng xã hội tìm được thông tin, hình ảnh của 03 căn cước công dân gồm: Tráng A C, Trương Minh T và Lê Anh P. T tải hình ảnh về điện thoại của mình rồi sử dụng tài khoản Zalo mang tên “Phạm T” gửi thông tin, hình ảnh của 03 căn cước công dân đã tìm được cho Đinh Quang Q qua tài khoản Zalo “Mr N” để Q làm giả căn cước công dân mới theo yêu cầu của T là chỉnh sửa thông tin về thời hạn sử dụng với giá 1.200.000 đồng/01 căn cước công dân. Sau đó, Q liên lạc với tài khoản Zalo tên “Mr Q” (không xác định được nhân thân, lý lịch) đặt làm giả 03 căn cước công dân theo yêu cầu của T với giá 800.000 đồng/01 căn cước công dân do tài khoản Zalo “Mr Q” gửi. Sau khi làm giả xong, Q gửi lại qua dịch vụ giao hàng thu tiền, T thanh toán số tiền 3.600.000 đồng và nhận 03 căn cước công dân làm giả rồi đăng ký 03 thành viên cấp dưới trực thuộc trên hệ thống C, hưởng lợi khoảng 50 EURO/01 thành viên mới, tương đương khoảng 1.200.000 đồng/01 thành viên mới. Thu lời bất chính tổng số tiền 3.600.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 14/6/2021 Cơ quan điều tra đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn P, Vũ Thị D tại phòng 04.11 chung cư Homyland 2 thuộc phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện và thu giữ các máy móc, phôi giấy tờ, tài liệu phục vụ việc làm giả của các bị cáo. Ngày 15/6/2021, Cơ quan điều tra đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Đinh Quang Q tại tổ 15B, ấp 5, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh đã phát hiện và thu giữ nhiều tài liệu, giấy tờ do các bị cáo làm giả nhưng chưa kịp chuyển cho người nhận, hoặc chuyển đi nhưng người nhận từ chối nhận. Ngày 12/10/2021, Cơ quan điều tra đã thi hành lệnh khám xét nơi ở của Phạm Thanh T tại phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định đã phát hiện và thu giữ 01 phong bì của công ty Viettel ghi người gửi: “Đinh Công Q số điện thoại 097***137, người nhận A T số điện thoại 093***888, đã bóc bên trong có 03 căn cước công dân mang tên Tráng A C, Trương Minh T và Lê Anh P.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Đối với những vật chứng là tài liệu, giấy tờ giả mà Cơ quan điều tra thu giữ là do các bị cáo làm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A10 là của Nguyễn Thị Thùy L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng, điện thoại có 01 sim Viettel là của bị cáo Lò Văn L1; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A83 màu trắng hồng, điện thoại vỡ màn hình, có 02 sim là của bị cáo Đinh Quang Q; 01 điện thoại di động

nhãn hiệu OPPO loại A92 là của bị cáo Vũ Thị D. Các bị cáo L, L1, Q, D khai sử dụng các điện thoại trên vào việc làm giả giấy tờ, tài liệu.

01 máy in thẻ nhựa nhãn hiệu Hiti Cs200e, Past no: 88.C0837.000T; 01 máy dập dấu nổi nhãn hiệu ITOU, màu xanh; 01 máy in, máy quét, photocopy, Fax nhãn hiệu HP laser Jet, M1522 nf; 01 trống mực nhãn hiệu brother TN-2130; 01 máy fax, scan, copy nhãn hiệu Brother, MFC -7340, đã qua sử dụng, bên trong có 01 giấy khám sức khỏe của Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương (Bản in); 01 máy in thẻ nhựa nhãn hiệu Hiti CS 200e; 01 máy ép nhiệt, màu ghi; 01 máy in màu nhãn hiệu Epson, đã qua sử dụng; 01 máy in màu nhãn hiệu Epso - L805 HP là của Phạm Văn P. P khai sử dụng tài sản trên vào việc làm giả giấy tờ, tài liệu.

01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh, bên trong có gắn 01 sim của nhà mạng Mobiphone trên sim có dãy số: 8401, 1908, 5179, 4620 và 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn P là của bị cáo Phúc. Đối với 01 quyển sổ nhãn hiệu TAKEYO có 12 trang đã được ghi; 01 quyển vở học sinh bìa màu hồng, trên bìa ghi bạn nhỏ, có 20 trang đã được viết; 01 quyển vở học sinh không có bìa có 60 trang đã được ghi là của bị cáo Vũ Thị D. 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 Pro màu xanh, tím, đen, điện thoại có 02 sim là của bị cáo Đinh Quang Q. Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lò Văn L1 là của L1. Đối với 01 quyển vở học sinh; 02 quyển sổ có bìa màu đen; 01 USB màu tím nhãn hiệu Newca L72010008504; 01 hình dấu trên khắc công ty TNHH online Phạm T; 01 dấu tên mang tên Phạm Thanh T; 01 quyển sổ bìa màu xanh gồm 30 trang có chữ viết; 01 kẹp tài liệu màu đỏ, bên trong có 06 tờ giấy A4 có chữ viết; 01 kẹp tài liệu màu xanh bên trong có 11 tờ giấy A4 có chữ viết; 13 túi hồ sơ bằng nilon màu trắng; 01 máy tính xách tay màu xám nhãn hiệu HP; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thanh T là của bị cáo T. Các bị cáo P, D, Q, L1, T khai những tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội.

29 lọ mực màu các loại, đang dùng dở; 08 miếng nhựa hình tròn, trên có khắc các chữ nổi là của bị cáo Phạm Văn P, P khai dùng những đồ vật trên để làm giả giấy tờ, tài liệu.

01 phong bì của công ty Viettel ghi người gửi: Đinh Công Q số điện thoại 097***137, người nhận A T số điện thoại 093***888, đã bóc thu được của bị cáo Phạm Thanh T, T khai dùng để đựng 03 căn cước công dân làm giả.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và những người có mặt tại phiên tòa trình bày phù hợp với lời khai của các bị cáo về thời gian, quá trình trao đổi, liên lạc về việc làm giấy tờ, tài liệu giả. Sau khi nhận được tài liệu, giấy tờ giả họ không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp, có Vàng Thị T, Quàng Văn H, Lò Thị Đ, Vũ Thế V đã vút và đốt vì biết giả; Ngô Thúy H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn T kiểm tra thấy giả nên từ chối nhận; Vì Thị T, Lò Thị X, Lò Thị H, Lò Thị T, Lữ Văn P, Lò Văn N, Lò Thị M, Lò Thị H, Quàng Thị X, Lò Thị S chưa nhận tài liệu, giấy tờ giả; còn lại nộp lại giấy tờ, tài liệu giả cho Cơ quan điều tra.

Qua kết quả kiểm tra điện thoại của Đinh Quang Q, còn thể hiện thông tin của một số người gồm: Lê Xuân N, Lương Văn H, Dư Tiến S, Huỳnh Văn H, Ngô Thành A, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn Q, Vũ Thị L, Đặng Tất D, Nguyễn Giang N, Bùi Văn T, Bùi Văn Th, Nguyễn Văn T1. Tuy nhiên kết quả điều tra xác định: Xuân N, H, S, H, A, Đ, L, D hiện không có mặt tại địa phương; Q, Giang N, T, Th và T1 không đăng ký hộ khẩu thường trú theo thông tin nên chưa đủ căn cứ để xác minh làm rõ và xử lý trong cùng vụ án.

Đối với những người đặt mua tài liệu, giấy tờ giả của các bị cáo. Kết quả điều tra xác định những người này không sử dụng các tài liệu, giấy tờ giả đặt mua vào mục đích bất hợp pháp hoặc có trường hợp sau khi nhận không sử dụng hoặc đã vứt đi nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với những người sử dụng tài khoản Zalo như “Gia H”, “Huỳnh T”... đã chuyển thông tin về người đặt mua tài liệu, giấy tờ giả cho nhóm các bị cáo để làm giả, người sử dụng tài khoản Zalo “Mr Q” là người đồng phạm với Đinh Quang Q trong lần làm giả 03 căn cước công dân. Do nhân thân, lý lịch của những người này không rõ ràng nên không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ và xử lý trong cùng vụ án.

Các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q phạm tội 05 lần trở lên, tuy nhiên kết quả điều tra xác định ngoài việc làm giả tài liệu, giấy tờ thì các bị cáo còn có những công việc và nguồn thu nhập hợp pháp khác nên không đủ cơ sở để áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với các bị cáo.

Đối với những người xe ôm đã chuyển tài liệu, giấy tờ làm giả từ các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D đến bị cáo Đinh Quang Q để tiêu thụ. Kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lý lịch của những người này nên không thể xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 395/GĐ-KTHS ngày 07/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *Giấy phép lái xe hạng A1, số 121215004063 mang tên Vũ Thị P và giấy phép lái xe hạng A1 số 121215004065 mang tên Lò Thị C gửi giám định là giấy phép lái xe giả.*

Tại bản kết luận giám định số 477/GĐ-KTHS ngày 16/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *05 giấy phép lái xe gửi giám định bao gồm: Giấy phép lái xe hạng A1, số 121215005089 mang tên Lò Thị C; Giấy phép lái xe hạng A1, số 121215004085 mang tên Lò Thị T; Giấy phép lái xe hạng A1, số 121215008863 mang tên Lò Thị X; Giấy phép lái xe hạng A1, số 121215004696 mang tên Lò Thị P; Giấy phép lái xe hạng A1, số 121215004084 mang tên Lò Thị H - là giấy phép lái xe giả.*

Tại bản kết luận giám định số 813/GĐ-KTHS ngày 04/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: *38 giấy phép lái xe gửi giám định đều là giấy phép lái xe giả.*

Tại kết luận giám định số 26/GĐ-KTHS ngày 14/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận:

- Các chữ ký mang tên Đình Ngọc H, Phan Đình Q, Hồ Trung N, Trần Hòa T, Phan Văn D, Đỗ Anh K, Vương Văn H, Dương Xuân M, Nguyễn Văn T trên các mẫu cần giám định không phải là chữ ký trực tiếp.

- Các hình dấu đỏ có nội dung: “Bộ Công an - Trường cao đẳng giao thông vận tải - Trung tâm dạy nghề đào tạo và sát hạch lái xe”; “Đủ sức khỏe để lái xe”; “Hồ sơ hợp lệ hạng...”; “Bộ y tế - Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương - Giám định y khoa” trên các mẫu cần giám định không phải là hình dấu đóng trực tiếp.

- 11 giấy phép lái xe hạng A1 gửi đến giám định đều là giấy phép lái xe giả.

Tại kết luận giám định số 225/GĐ-KTHS ngày 07/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận:

1. Các mẫu cần giám định, gồm: 12 giấy phép lái xe; 03 căn cước công dân; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23 trong danh sách mẫu cần giám định) là giả.

2. 02 bản sao giấy khai sinh số 216 mang tên Võ Thị Kim C (số thứ tự 12 trong danh sách mẫu cần giám định) có: Các hình dấu có nội dung: “ĐÃ THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH”; “KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Nguyễn Văn L” không phải là hình dấu đóng; Hình dấu tròn đỏ có nội dung “U.B.N.D XÃ C H. C. PHÚ KHÁNH” là hình dấu đóng. Chữ ký Nguyễn Văn L là chữ ký trực tiếp.

3. Các hình dấu, chữ ký chứng thực trên các bản sao (Số thứ tự: 9, 11, 13 trong danh sách mẫu cần giám định) là hình dấu, chữ ký được đóng, ký trực tiếp.

4. Các biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ô tô (Số thứ tự 10, 24 trong danh sách mẫu cần giám định) có: Các chữ ký là chữ ký trực tiếp; Các hình dấu không phải là hình dấu đóng.

5. Các hình dấu, chữ ký trên: Các biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, mô tô (nơi cấp: Trung tâm dạy nghề đào tạo và sát hạch lái xe, Trường cao đẳng dạy nghề lái xe quân đội, Bộ Công an); Các bài sát hạch lý thuyết; Các biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; Các biên bản sát hạch thực hành lái xe đường trường; Các đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; Các giấy khám sức khỏe của người lái xe (Số thứ tự: 10, 24 trong danh sách mẫu cần giám định) không phải là hình dấu đóng, không phải là chữ ký trực tiếp.

6. Các tài liệu còn lại (bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận số thứ tự: 9, 10, 11, 13 trong danh sách mẫu cần giám định) có hình dấu không phải là hình dấu đóng, chữ ký là chữ ký trực tiếp.

Tại kết luận giám định số 637/KL-TL ngày 06/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận:

1. 02 Giấy phép lái xe mang tên Lò Thị M và Lò Thị X có ghi nơi cấp là Sở giao thông vận tải tỉnh Lai Châu là giấy phép lái xe giả.

03 giấy phép lái xe còn lại (mang tên Ma Văn N, Hà Văn N, Huỳnh Thị T) có phôi giấy phép lái xe là phôi giả (hình dấu, chữ ký trên các giấy phép lái xe này không có mẫu so sánh).

2. Chữ ký trên các tài liệu cần giám định còn lại là chữ ký trực tiếp.

3. Các hình dấu tròn đỏ của các trường đại học, cao đẳng trên các mẫu cần giám định (bản gốc) không phải là hình dấu đóng.

Các hình dấu có nội dung: “bản sao”; “Chứng thực bản sao...”; “...Văn phòng công chứng H”; “Công chứng viên”; “Nguyễn Phi P” trên các mẫu cần giám định (bản sao) là hình dấu đóng.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSLC-P1 ngày 06/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố Phạm Thanh T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q, Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L, Phạm Thanh T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2021.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Quang Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn L1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, t, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù (khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam cho bị cáo). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 04

năm đến 05 năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A10, số IMEI1: 357186100729934, số IMEI2: 357187100729932; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng, số IMEI 1: 864401031348118, số IMEI 2: 864401031348100, điện thoại có 01 sim Viettel; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A 83 màu trắng hồng, số IMEI1: 867609038772299, số IMEI 2: 867609038772281 điện thoại vỡ màn hình, có 02 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A92. Số IMEI1: 860621056929647, số IMEI2: 860621056929666; 01 máy in thẻ nhựa nhãn hiệu Hiti Cs200e, Past no: 88.C0837.000T; 01 máy dập dấu nổi nhãn hiệu ITOU, màu xanh; 01 máy in, máy quét, photocopy, Fax nhãn hiệu HP laser Jet, M1522 nf; 01 trống mực nhãn hiệu brother TN-2130; 01 máy fax, scan, copy nhãn hiệu Brother, MFC -7340, bên trong có 01 giấy khám sức khỏe của Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương (Bản in); 01 máy in thẻ nhựa nhãn hiệu Hiti CS 200e; 01 máy ép nhiệt, màu ghi; 01 máy in màu nhãn hiệu Epson; 01 máy in màu nhãn hiệu Epso - L805 HP.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn P: 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh số IMEI 1: 352415908879897, số IMEI 2: 352415909879896, bên trong có gắn 01 sim của nhà mạng Mobiphone trên sim có dãy số: 8401, 1908, 5179, 4620; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn P.

Trả lại cho bị cáo Vừ Thị D: 01 quyển sổ nhãn hiệu TAKEYO có 12 trang đã được ghi; 01 quyển vở học sinh bìa màu hồng, trên bìa ghi bạn nhỏ, có 20 trang đã được viết; 01 quyển vở học sinh không có bìa có 60 trang đã được ghi.

Trả lại cho bị cáo Đinh Quang Q: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 Pro màu xanh, tím, đen, điện thoại có 02 sim.

Trả lại cho bị cáo Lò Văn L1: 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lò Văn L1.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thanh T: 01 quyển vở học sinh; 02 quyển sổ có bìa màu đen; 01 USB màu tím nhãn hiệu Newca L72010008504; 01 hình dấu trên khắc công ty TNHH online Phạm T; 01 dấu tên mang tên Phạm Thanh T; 01 quyển sổ bìa màu xanh gồm 30 trang có chữ viết; 01 kẹp tài liệu màu đỏ, bên trong có 06 tờ giấy A4 có chữ viết; 01 kẹp tài liệu màu xanh bên trong có 11 tờ giấy A4 có chữ viết; 13 túi hồ sơ bằng nilon màu trắng; 01 máy tính xách tay màu xám nhãn hiệu HP; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu đen; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thanh T.

Tịch thu tiêu hủy: 29 lọ mực màu các loại, đang dùng dở; 08 miếng nhựa hình tròn, trên có khắc các chữ nổi; 01 phong bì của công ty Viettel ghi người gửi: Đinh Công Q số điện thoại 097***137, người nhận A T số điện thoại 093***888, đã

bóc.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của các bị cáo: Phạm Văn P 81.092.000 đồng; Đinh Quang Q 19.500.000 đồng, hiện đã nộp 5.000.000 đồng, còn lại 14.500.000 đồng; Lò Văn L1 24.175.000 đồng; Nguyễn Thị Thùy L 20.775.000 đồng, đã nộp 24.050.000 đồng, trả lại 3.275.000 đồng; Phạm Thanh T 3.600.000 đồng, đã nộp đủ.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, t, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo L được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Trong thời gian từ cuối năm 2020 đến tháng 6/2021 tại phòng 04.11 chung cư H, thuộc phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Văn P với sự giúp sức của các bị cáo Vũ Thị D, Đinh Quang Q nhiều lần làm, tiêu thụ tổng số 73 giấy phép lái xe kèm hồ sơ và các giấy khám sức khỏe, đơn đề nghị sát hạch...chưa ghi họ và tên; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 Công văn xác nhận; 02 giấy khai sinh; 01 đăng ký xe; 15 bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, Trung học phổ thông, chứng chỉ kèm kết quả học tập và các bản sao y là các tài liệu, giấy tờ giả của các cơ quan, tổ chức cho nhiều người dân trên địa bàn cả nước, thu lời bất chính tổng số 96.992.000 đồng, trong đó P và D thu lời bất chính tổng số 81.092.000đ, Q thu lời bất chính tổng số 15.900.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Đinh Quang Q còn liên hệ với tài khoản Zalo “Mr Q” làm giả 03 căn cước công dân, thu lời bất chính 3.600.000 đồng.

Trong thời gian từ đầu tháng 5/2021 đến tháng 6/2021, tại địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu các bị cáo Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L đã nhiều lần thu thập,

cung cấp thông tin của 59 người dân trên địa bàn huyện S cho nhóm các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q làm giả 61 giấy phép lái xe hạng A1 kèm hồ sơ cho người dân trên địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu. L thu lời bất chính tổng số tiền 20.775.000 đồng, L1 thu lời bất chính tổng số tiền 24.175.000 đồng.

Cũng vì mục đích tư lợi nên trong tháng 3/2021, tại địa bàn tỉnh Nam Định, bị cáo Phạm Thanh T đã tìm, cung cấp thông tin 03 căn cước công dân mang tên Tráng A C, Trương Minh T và Lê Anh P rồi gửi cho bị cáo Đinh Quang Q làm giả bằng việc chỉnh sửa thời hạn sử dụng để T đăng ký làm thành viên hệ thống công ty C, T thu lời bất chính số tiền tương đương 3.600.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của các Cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Nhận thức được điều đó nhưng vì tư lợi cá nhân nên đã thúc đẩy các bị cáo cố ý phạm tội. Các bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Phạm Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Phạm Văn P là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng, chủ mưu, chuẩn bị công cụ và trực tiếp làm giả tài liệu, giấy tờ. Bị cáo Vũ Thị D là người giúp sức tích cực nhất cho bị cáo P, D đăng thông tin lên mạng, thỏa thuận giá cả với người làm và khi P làm xong thì D gửi qua lái xe ôm để Q nhận và giao cho người mua. Bị cáo Đinh Quang Q là người giúp sức cho bị cáo P trong việc nhận và giao tài liệu, giấy tờ giả để hưởng lợi, ngoài ra Q 01 lần cùng bị cáo Phạm Thanh T làm giả 03 căn cước công dân mục đích để T hưởng lợi khi phát triển thành viên mới. Bị cáo Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L nhận làm giả giấy tờ, tài liệu của những người dân trên địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu để hưởng lợi chênh lệch, trong đó L1 là người trực tiếp nhận thông tin rồi chuyển cho L, L chuyển thông tin cho nhóm các bị cáo P, D, Q để làm giả sau đó chuyển lại cho L1 trả cho người mua và nhận tiền. Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q, Nguyễn Thị Thùy L phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn L1 phải chịu hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần và tái phạm theo điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, các bị cáo L, L1, T đã tích cực hợp tác Cơ quan điều tra, bị cáo L đã giúp Cơ quan điều tra cung cấp nhiều thông tin để bắt các đối tượng trong vụ án; bị cáo L1 đã trực tiếp tố giác tội phạm và cung cấp các thông tin về hành vi sai phạm của một số cá nhân trên địa bàn; bị cáo T đã cung cấp nhiều thông tin có giá trị để điều tra làm rõ nhiều vụ án trên địa bàn nên Cơ quan điều tra đã có Công văn số 210/CV-CSĐT ngày 02/5/2022 và Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lai Châu có Công văn số 256/CV-PC02 ngày 15/7/2022 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do đó các bị cáo L, L1, T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại thời điểm xét xử bị cáo L có thai nên bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn P có bố đẻ (Vừ Thị D có bố chồng) là Phạm Văn C được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; Bị cáo Đinh Quang Q có bố đẻ là Đinh Tuấn A là thương binh và đã nộp 5.000.000 đồng thu lời bất chính tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu; Bị cáo Nguyễn Thị Thùy L đã nộp 24.050.000 đồng thu lời bất chính tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu và có ông ngoại là Phạm Văn V được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; Bị cáo Lò Văn L1 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có anh trai Lò Văn M là liệt sỹ; Bị cáo Phạm Thanh T đã nộp 3.600.000 đồng thu lời bất chính tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu. Do đó, các bị cáo P, D, Q, L, L1, T đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo P; Bị cáo D là người giúp sức tích cực nhất cho bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên bị cáo P và D là hai vợ chồng, hiện con còn nhỏ nên để thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo D; Bị cáo Q là người giúp sức cho bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội và 01 lần cùng bị cáo T làm giả tài liệu, giấy tờ; Bị cáo L1 là người giúp sức cho bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội và hưởng lợi chênh lệch nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo Q, L1 gây ra; Bị cáo L là người giúp sức cho bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội và hưởng lợi chênh lệch, bị cáo L hiện đang có thai và có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, 01 tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên để thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo L được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; Bị cáo T

phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có thể cho bị cáo T tự cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách để bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên về phần hình phạt chính đối với bị cáo Vũ Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo D và P là hai vợ chồng nên có thể cho bị cáo D được hưởng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy L được hưởng mức án thấp nhất của khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự vì Hội đồng xét xử xét thấy cho bị cáo được hưởng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là đã thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”. Xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A10, số IMEI1: 357186100729934, số IMEI2: 357187100729932 là của Nguyễn Thị Thùy L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng, số IMEI 1: 864401031348118, số IMEI 2: 864401031348100, điện thoại có 01 sim Viettel là của bị cáo Lò Văn L1; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A 83 màu trắng hồng, số IMEI1: 867609038772299, số IMEI 2: 867609038772281 điện thoại vỡ màn hình, có 02 sim là của bị cáo Đinh Quang Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A92. Số IMEI1: 860621056929647, số IMEI2: 860621056929666 là của bị cáo Vũ Thị D; 01 máy in thẻ nhựa nhãn hiệu Hiti Cs200e, Past no: 88.C0837.000T; 01 máy dập dấu nổi nhãn hiệu ITOU, màu xanh; 01 máy in, máy quét, photocopy, Fax nhãn hiệu HP laser Jet, M1522 nf; 01 trống mực nhãn hiệu brother TN-2130; 01 máy fax, scan, copy nhãn hiệu Brother, MFC -7340, bên trong có 01 giấy khám sức khỏe của Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương (Bản in); 01 máy in thẻ nhựa nhãn hiệu Hiti CS 200e; 01 máy ép nhiệt, màu ghi; 01 máy in màu nhãn hiệu Epson; 01 máy in màu nhãn hiệu Epso - L805 HP là của Phạm Văn P. Xét thấy các bị cáo L, L1, Q, D, P sử dụng các phương tiện, công cụ trên vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh số IMEI 1: 352415908879897, số IMEI 2: 352415909879896, bên trong có gắn 01 sim của nhà mạng Mobiphone trên sim có dãy số: 8401, 1908, 5179, 4620; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn P là của bị cáo P. Đối với 01 quyển sổ nhãn hiệu TAKEYO có 12 trang đã được ghi; 01 quyển vở học sinh bìa màu hồng, trên bìa ghi bạn nhỏ, có 20 trang đã được viết; 01 quyển vở học sinh không có bìa có 60

trang đã được ghi là của bị cáo Vũ Thị D. Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 Pro màu xanh, tím, đen, điện thoại có 02 sim là của bị cáo Đinh Quang Q. Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lò Văn L1 là của bị cáo L1. Đối với 01 quyển vở học sinh; 02 quyển sổ có bìa màu đen; 01 USB màu tím nhãn hiệu Newca L72010008504; 01 hình dấu trên khắc công ty TNHH online Phạm T; 01 dấu tên mang tên Phạm Thanh T; 01 quyển sổ bìa màu xanh gồm 30 trang có chữ viết; 01 kẹp tài liệu màu đỏ, bên trong có 06 tờ giấy A4 có chữ viết; 01 kẹp tài liệu màu xanh bên trong có 11 tờ giấy A4 có chữ viết; 13 túi hồ sơ bằng nilon màu trắng; 01 máy tính xách tay màu xám nhãn hiệu HP; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu đen; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thanh T là của bị cáo T. Xét thấy các tài sản, giấy tờ trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo P, D, Q, L1, T theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

29 lọ mực màu các loại, đang dùng dở; 08 miếng nhựa hình tròn, trên có khắc các chữ nổi là của bị cáo Phạm Văn P; 01 phong bì của công ty Viettel ghi người gửi: Đinh Công Q số điện thoại 097***137, người nhận A T số điện thoại 093***888, đã bóc thu được của bị cáo Phạm Thanh T dùng để đựng 03 căn cước công dân làm giả. Xét thấy đây là những vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền thu lời bất chính, cụ thể: Bị cáo P và D là 81.092.000 đồng (bị cáo P và D khai toàn bộ số tiền này do P thu, quản lý và sử dụng); Q là 19.500.000 đồng, hiện đã nộp 5.000.000 đồng, còn phải tiếp tục thi hành là 14.500.000 đồng; L1 là 24.175.000 đồng; L là 20.775.000 đồng, hiện đã nộp 24.050.000 đồng, trả lại cho L 3.275.000 đồng; T là 3.600.000 đồng, hiện đã nộp đủ, xét cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động NOKIA thu của Nguyễn Thị Thùy L; 01 xe ô tô Mazda BKS 30F-46990 thu của Phạm Thanh T không liên quan đến hành vi phạm tội, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q, Nguyễn Thị Thùy L, Phạm Thanh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Lò Văn L1 là dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L1 theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 (đối với các bị cáo P, D, Q, L, T), điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với bị cáo L1) Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Kiến nghị: Đề nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tiếp tục xác minh làm rõ các đối tượng có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm tránh lọt người, lọt tội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn L1;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s, t, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy L;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thanh T.

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 (đối với bị cáo P, D, Q, L, T), điểm đ khoản 1 Điều 12 (đối với bị cáo L1) Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q, Lò Văn L1, Nguyễn Thị Thùy L, Phạm Thanh T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2021.
- Xử phạt bị cáo Vũ Thị D 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.
- Xử phạt bị cáo Đinh Quang Q 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2021.
- Xử phạt bị cáo Lò Văn L1 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2021.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy L 02 năm 06 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 26 ngày, thời hạn tù còn lại là 27 tháng 04 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.
- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/8/2022). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Phạm Thanh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình

sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A10, số IMEI1: 357186100729934, số IMEI2: 357187100729932; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng, số IMEI 1: 864401031348118, số IMEI 2: 864401031348100, điện thoại có 01 sim Viettel; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A 83 màu trắng hồng, số IMEI1: 867609038772299, số IMEI 2: 867609038772281 điện thoại vỡ màn hình, có 02 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại A92. Số IMEI1: 860621056929647, số IMEI2: 860621056929666; 01 máy in thẻ nhựa nhãn hiệu Hiti Cs200e, Past no: 88.C0837.000T; 01 máy dập dấu nổi nhãn hiệu ITOU, màu xanh; 01 máy in, máy quét, photocopy, Fax nhãn hiệu HP laser Jet, M1522 nf; 01 trống mực nhãn hiệu brother TN-2130; 01 máy fax, scan, copy nhãn hiệu Brother, MFC -7340, bên trong có 01 giấy khám sức khỏe của Bệnh viện giao thông vận tải Trung ương (Bản in); 01 máy in thẻ nhựa nhãn hiệu Hiti CS 200e; 01 máy ép nhiệt, màu ghi; 01 máy in màu nhãn hiệu Epson; 01 máy in màu nhãn hiệu Epso - L805 HP.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn P: 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh số IMEI 1: 352415908879897, số IMEI 2: 352415909879896, bên trong có gắn 01 sim của nhà mạng Mobiphone trên sim có dãy số: 8401, 1908, 5179, 4620; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn P.

- Trả lại cho bị cáo Vừ Thị D: 01 quyển sổ nhãn hiệu TAKEYO có 12 trang đã được ghi; 01 quyển vở học sinh bìa màu hồng, trên bìa ghi bạn nhỏ, có 20 trang đã được viết; 01 quyển vở học sinh không có bìa có 60 trang đã được ghi.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Quang Q: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F11 Pro màu xanh, tím, đen, điện thoại có 02 sim.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn L1: 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Lò Văn L1.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thanh T: 01 quyển vở học sinh; 02 quyển sổ có bìa màu đen; 01 USB màu tím nhãn hiệu Newca L72010008504; 01 hình dấu trên khắc công ty TNHH online Phạm T; 01 dấu tên mang tên Phạm Thanh T; 01 quyển sổ bìa màu xanh gồm 30 trang có chữ viết; 01 kẹp tài liệu màu đỏ, bên trong có 06 tờ giấy A4 có chữ viết; 01 kẹp tài liệu màu xanh bên trong có 11 tờ giấy A4 có chữ viết; 13 túi hồ sơ bằng nilon màu trắng; 01 máy tính xách tay màu xám nhãn hiệu HP; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, màu đen; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Thanh T.

- Tịch thu tiêu hủy: 29 lọ mực màu các loại, đang dùng dở; 08 miếng nhựa hình tròn, trên có khắc các chữ nổi; 01 phong bì của công ty Viettel ghi người gửi: Đinh Công Q số điện thoại 097***137, người nhận A T số điện thoại 093***888, đã bóc.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 08 giờ 05 phút ngày 26/5/2022 giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước tiền thu lời bất chính của các bị cáo như sau:
- + Truy thu của bị cáo Phạm Văn P 81.092.000 đồng.
- + Truy thu của bị cáo Đinh Quang Q 19.500.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (theo biên lai số AA/2021/0000883 ngày 26 tháng 7 năm 2022). Bị cáo còn phải tiếp tục thi hành là 14.500.000 đồng.
- + Truy thu của bị cáo Lò Văn L1 24.175.000 đồng.
- + Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Thùy L 20.775.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 24.050.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (theo biên lai số AA/2021/0000871 ngày 20 tháng 6 năm 2022). Trả lại 3.275.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy L.
- + Truy thu của bị cáo Phạm Thanh T 3.600.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ 3.600.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (theo biên lai số AA/2021/0000866 ngày 06 tháng 5 năm 2022).

4. Về án phí:

Các bị cáo Phạm Văn P, Vũ Thị D, Đinh Quang Q, Nguyễn Thị Thùy L, Phạm Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn L1.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Người có QL\$NVLQ;
- Người bào chữa;
- UBND xã Giao Thịnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Trại tạm giam;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương